

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HS-ST

Ngày: 24-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hoa.

2. Bà Trần Thị Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 55/2018/HS-ST ngày 05-9-2018 đối với bị cáo:

Huỳnh Văn L, sinh năm: 1973; hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: Sống lang thang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Không biết chữ; con ông: Huỳnh Văn Đ - đã chết; con bà: Huỳnh Thị T, sinh năm 1940; tiền án: bị cáo có 02 tiền án:

Ngày 22/02/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tuyên phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” và tội “Trốn khỏi nơi giam giữ”.

Ngày 21/02/2012, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 07 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: 01 tiền sự.

Ngày 28/8/2017 bị Công an huyện K, tỉnh Sóc Trăng ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

Nhân thân:

Ngày 29/6/1993, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tuyên phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 07/02/1996 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tuyên phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/3/2018 đến ngày 30/3/2018 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C. (có mặt).

Bị hại: 1. Ông Trần Sĩ Q, sinh năm 1950.

HKTT: Ấp T, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1976.

HKTT: Khu vực T, phường T, quận O, thành phố C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1968.

HKTT: Ấp P, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Nguyễn Tú O, sinh năm: 1982.

HKTT: 80/8, khu phố 10A, thị trấn T, tỉnh Vĩnh Long.

(Ông Q có mặt; ông T, ông N, bà O vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên vào khoảng 08 giờ ngày 23/6/2017, Huỳnh Văn L điều khiển xe mô tô hiệu Wave màu đỏ (không rõ biển số) đi từ thành phố Vũng Tàu đến địa bàn xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để trộm cắp tài sản. L điều khiển xe đến trước Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (chi nhánh xã K) quan sát những người ra vào ngân hàng giao dịch để lợi dụng có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Đến khoảng 9 giờ thì L phát hiện ông Trần Sĩ Q đi từ trong ngân hàng ra chỗ gửi xe máy, trên tay có cầm một bọc tiền. Lúc này, ông Q vừa rút trong ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng mang ra bỏ vào cốp xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 72F1 - 03171 rồi điều khiển xe chạy về nhà em gái ông là bà Trần Thị A (sinh năm: 1959; trú tại ấp T, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Trong lúc ông Q điều khiển xe đi từ ngân hàng về thì L điều khiển xe chạy theo phía sau ông Q. Khi ông Q chạy xe vào nhà bà A thì L dựng xe ở mép đường đối diện nhà bà A rồi đi bộ vào trong nhà. Lúc này ông Q để xe ở ngoài và đi vào trong nhà bà A, L đi vào trong sân, ngồi trước hiên nhà bà Trần Thị Đ (sinh năm: 1971 - là em dâu của ông Q) thì bà Đ đi từ trong nhà ra thấy L, bà Đ hỏi L tìm ai thì L giả vờ nói đợi chồng bà Đ lấy tiền, bà Đ nghe vậy thì nói L ngồi chờ một lát rồi bà đi xuống phía sau nhà. Lúc này không thấy ai nữa nên L đi tới chỗ xe ông Q rồi dùng tay mở cốp xe lên (cốp xe không khóa) lấy trộm được số tiền 200.000.000 đồng rồi đi ra chỗ dựng xe để lấy xe tẩu thoát. Đến khoảng 10 giờ ông Q đi ra ngoài xe mở cốp xe ra thì phát hiện bị mất số tiền trên. Sau đó, ông Q trình báo sự việc đến Cơ quan Công an.

Đến ngày 26/3/2018, Công an huyện C phát hiện Huỳnh Văn L nên đã mời về trụ sở làm việc, tiến hành cho bà Trần Thị Đ nhận dạng, bà Đ đã nhận dạng L là đối tượng đã vào nhà bà ngày 23/6/2017. Qua làm việc, L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Số tiền 200.000.000 đồng L đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản ngày 23/6/2017 trên địa bàn huyện C thì vào ngày 11/10/2017, Huỳnh Văn L còn thực hiện hành vi trộm cắp trên địa bàn quận O, thành phố C. Hành vi cụ thể như sau: Vào khoảng 10 giờ ngày 10/10/2017, Huỳnh Văn L đến nhà ông Nguyễn Văn N để mượn chiếc xe mô tô biển số 17H9 - 9641 để sử dụng. Vì cần tiền tiêu xài nên vào khoảng 8 giờ ngày 11/10/2017 L điều khiển xe mô tô biển số 17H9 - 9641 đi từ thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đến Cần Thơ để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến khu vực ngân hàng Agribank (chi nhánh quận O), L dựng xe tại khu vực bãi đất trống phía trước ngân hàng rồi đi bộ vào khu vực nhà để xe để ngồi quan sát những người đi vào ngân hàng giao dịch.

Lúc này L phát hiện ông Huỳnh Văn T đi từ trong ngân hàng ra, trên tay có cầm 01 bọc màu đỏ, bỏ vào yên xe. L nghĩ là ông T mới rút tiền nên khi ông T điều khiển xe đi ra khỏi ngân hàng thì L điều khiển xe chạy bám theo ông T. Trên đường ông T có ghé vào một cửa hàng để mua đồ, ông T dựng xe bên ngoài, L cũng dừng xe lại và đi bộ đến chỗ xe ông T để nhằm lấy trộm tài sản nhưng lúc này có đông người nên L không thực hiện hành vi được. Sau khi mua đồ xong ông T điều khiển xe đi về nhà, L tiếp tục bám theo đến nhà ông T. Ông T dựng xe ở trước cửa nhà rồi đi bộ xuống khu vực 02 chiếc ghe dưới sông. Lợi dụng lúc không có ai để ý, L dựng xe phía ngoài rồi đi bộ đến xe ông T, dùng tay dờ mạnh yên xe lên lấy trộm được 100.000.000 đồng nhét vào lưng quần. Lúc này, bà Nguyễn Thị Bích T (sinh năm: 1976 - là vợ của ông T) phát hiện L thì L nhanh chóng ra xe tẩu thoát. L đã giấu xe dưới mương nước và nhờ người đưa qua sông để tẩu thoát. Cơ quan Cảnh sát điều tra quận O đã thu giữ 01 xe mô tô biển số 17H9 - 9641, 01 áo khoát màu xám, 01 mũ bảo hiểm màu đen. Về số tiền 100.000.000 đồng trộm được L dùng 3.000.000 đồng nhờ bà Nguyễn Tú O đưa cho ông N để mua chiếc xe mô tô biển số 17H9 - 9641 mà L đã mượn của ông N đi trộm cắp tài sản, L cho bà O 500.000 đồng tiền công, cho mẹ và con L 1.100.000đ, số còn lại L đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 19/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận O đã ra Quyết định khởi tố vụ án, ngày 13/4/2018 ra quyết định khởi tố bị can đối với Huỳnh Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 138 BLHS năm 1999. Ngày 10/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận O đã sơ kết điều tra đề nghị chuyển vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C để nhập vụ án, điều tra theo quy định. Ngày 17/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đã ra Quyết định chuyển vụ án số 08/QĐ-VKS đối với vụ án do Cơ quan điều tra quận O khởi tố cho Cơ quan điều tra huyện C để nhập, điều tra, xử lý theo đúng quy định. Ngày 14/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định nhập vụ án đối với 02 vụ án trên.

Tại bản Cáo trạng số 56/CT-VKS ngày 03-9-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố Huỳnh Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Huỳnh Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt L mức án từ 10 năm tù đến 11 năm tù. Theo đại diện Viện Kiểm sát phần dân sự thì bị hại ông Trần Sĩ Q yêu cầu Huỳnh Văn L phải bồi thường số tiền 200.000.000 đồng, ông Huỳnh Văn T yêu cầu L phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng và L đồng ý bồi thường thì Tòa án xem xét chấp nhận. Phần vật chứng 01 chiếc xe mô tô hiệu ESPERO, màu xanh, biển số 17H9 – 9641, số máy FMH - 704237, số khung: DE - 704237 là xe L mượn của ông N nên trả lại xe này cho ông N; 01 mũ bảo hiểm màu đen và 01 áo khoác màu xám tay dài hiệu Adidas thì tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 3.000.000 đồng Linh nhờ bà O đưa cho ông N để mua chiếc xe biển số 17H9 - 9641, ông N đã tiêu xài hết thì buộc ông N phải trả cho Linh để L bồi thường cho bị hại; số tiền L cho bà O 500.000đ thì bà O phải trả lại cho L để L bồi

thường cho bị hại; số tiền L cho mẹ và các con của L tổng cộng 1.100.000 đồng là tiền không liên quan đến việc L phạm tội nên không xem xét xử lý.

Bị cáo L xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo, bị cáo Huỳnh Văn L thừa nhận thực hiện hành vi như sau:

Vào khoảng 9 giờ 30 phút ngày 23/6/2017, tại nhà bà Trần Thị A thuộc ấp T, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Huỳnh Văn L đã lén lút mở cốp xe của ông Trần Sĩ Q trộm cắp số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó, ngày 11/10/2017 tại nhà ông Huỳnh Văn T thuộc khu vực T, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ, L tiếp tục lén lút mở cốp xe của ông T trộm cắp số tiền 100.000.000 đồng. Tổng số tiền mà L trộm cắp được là 300.000.000 đồng.

[3] Hành vi mà bị cáo L thực hiện phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng của vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thấy quan điểm luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C kết luận hành vi phạm tội của bị cáo là có căn cứ. Do đó đã đủ cơ sở kết luận hành vi của Huỳnh Văn L phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ điểm h, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 về áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, thấy rằng: Tại khoản 4 Điều 138 BLHS năm 1999 có mức hình phạt tù từ 12 năm đến tù chung thân còn tại khoản 4 Điều 173 BLHS năm 2015 có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. Như vậy, khoản 4 Điều 173 BLHS năm 2015 có khung hình phạt nhẹ hơn so với quy định tại 4 Điều 138 BLHS năm 1999. Do đó áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt đối với Huỳnh Văn L.

Như vậy đã đủ cơ sở kết luận hành vi của Huỳnh Văn L phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Bị cáo Huỳnh Văn L là một công dân đã trưởng thành phải sống đúng theo quy định của pháp luật nhưng vì tham lam tư lợi, coi thường pháp luật nên bị cáo đã dẫn thân vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không chỉ xâm phạm đến tài sản của người bị hại mà còn làm mất trật tự trị an địa phương. Sự cần thiết phải xử phạt bị cáo nghiêm, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu giáo dục, phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét tính chất,

mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo để quyết định cho bị cáo một hình phạt phù hợp.

[5] Bị cáo L 02 lần lấy trộm tài sản, trong đó một lần số tiền là 200.000.000đ, một lần số tiền là 100.000.000đ. Lần L lấy trộm số tiền 200.000.000đ đã đủ định lượng để truy tố theo khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự; mỗi lần L trộm cắp đều đã cấu thành tội phạm nên L là phạm tội 02 lần trở lên; L đã tái phạm nên lần phạm tội này của L là tái phạm nguy hiểm; Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa L thành khẩn khai báo; Bị cáo không biết chữ nên việc nhận thức có phần hạn chế.

Như vậy cần áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt đối với L.

Đối với hành vi của ông Nguyễn Văn N nhận số tiền 3.000.000 đồng từ L thông qua bà O, L cho bà O 500.000đ. Khi nhận tiền ông N, bà O không biết đó là tiền L trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý ông N, bà O về tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 BLHS là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án:

01 chiếc xe mô tô hiệu ESPERO, màu xanh, biển số 17H9 - 9641, số máy FMH- 704237, số khung: DE-704237 là xe của ông N nên trả lại xe này cho ông N.

01 mũ bảo hiểm màu đen và 01 áo khoác màu xám tay dài hiệu Adidas là vật L sử dụng đi trộm, vật này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Hiện những vật chứng này đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện C để quản lý.

Chiếc xe máy hiệu Wave màu đỏ (không nhớ rõ biển số) L dùng làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C ngày 23/6/2017, sau khi thực hiện hành vi phạm tội L đã làm mất chiếc xe trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không thu hồi được.

Số tiền 3.000.000 đồng L nhờ bà O đưa cho ông N để mua chiếc xe biển số 17H9 - 9641, ông N đã tiêu xài hết, số tiền L cho bà O 500.000đ thì ông N, bà O phải trả lại cho bị cáo L để Linh bồi thường cho bị hại; số tiền L cho mẹ và các con tổng cộng 1.100.000 đồng là tiền riêng của L nên không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Trần Sĩ Q yêu cầu bị cáo Huỳnh Văn L phải bồi thường số tiền 200.000.000 đồng, ông Huỳnh Văn T yêu cầu bị cáo L phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng. Bị cáo L đồng ý bồi thường như ông Q, ông T yêu cầu nên xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[8] **Về án phí:** Bị cáo L nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 7.500.000đ. án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng L nộp 7.700.000đ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Huỳnh Văn L 10 (Mười) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2018.

Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho ông Nguyễn Văn N 01 chiếc xe mô tô hiệu ESPERO, màu xanh, biển số 17H9 - 9641, số máy FMH - 704237, số khung: DE - 704237.

Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm màu đen và 01 áo khoác màu xám tay dài hiệu Adidas là vật L sử dụng đi trộm.

Hiện số vật chứng đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện C theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/9/2018.

Về trách nhiệm dân sự:

Xử ghi nhận Huỳnh Văn L phải bồi thường cho ông Trần Sĩ Q 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng; Huỳnh Văn L phải bồi thường cho ông Huỳnh Văn T 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Xử buộc ông Nguyễn Văn N phải trả lại cho Huỳnh Văn L 3.000.000 (Ba triệu) đồng; bà Nguyễn Tú O phải trả lại cho Huỳnh Văn L 500.000 (Năm trăm ngàn) đồng để L bồi thường cho bị hại.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí: Bị cáo L nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng L nộp 7.700.000 (Bảy triệu bảy trăm ngàn) đồng án phí.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24-10-2018) bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo. Đối ông T, ông N, bà O vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR - VT;
- Phòng PV 27 (CA tỉnh BR - VT);
- Sở tư pháp tỉnh BR - VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- CA huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan